**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN VƯỚNG MẮC CỦA NHNN CHI NHÁNH**

**VÀ CÁC TCTD ĐỐI VỚI THÔNG TƯ 35/2015/TT-NHNN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mẫu biểu** | **Nội dung vướng mắc** | **Đơn vị ý kiến** | **Giải đáp** |
| **I** | **Nội dung Thông tư** | | |  |
| 1 | Điều 11 | Định nghĩa về kỳ báo cáo, ngày số liệu theo Thông tư 35 vẫn không thay đổi so với Thông tư 31 phải không? | Ngân hàng Deutsche Bank | NHNN (Cục Công nghệ tin học) đã hướng dẫn cụ thể về định kỳ báo cáo, ngày số liệu tại Phụ lục 03 Công văn 1112/NHNN-CNTH ngày 29/02/2016 về việc Hướng dẫn triển khai Thông tư 35/2015/TT-NHNN và các yêu cầu báo cáo khác của NHNN trên hệ thống công nghệ thông tin. Vì vậy, đề nghị TCTD tham chiếu để triển khai thực hiện. |
| **II** | **Phụ lục 1 - Mẫu biểu báo cáo** | | |  |
| 2 | 009, 010, 011 -TD | Đề nghị giải thích rõ cụm từ “Doanh số phát sinh tăng trong kỳ” tại mẫu biểu báo cáo. | NHNN  Hải Dương | Cột “Doanh số phát sinh tăng”: Thống kê số tiền TCTD đã thực hiện cấp tín dụng cho khách hàng phát sinh trong kỳ báo cáo. |
| 3 | 009, 010, 011 -TD | Cột (3): Trong trường hợp doanh số phát sinh giảm thì báo cáo như thế nào? | Ngân hàng Deutsche Bank | Tại các Biểu số 009, 010, 011-TD, NHNN không yêu cầu TCTD báo cáo doanh số phát sinh giảm. |
| 4 | 009, 010 -TD | Cột (5) “Cho vay” của Biểu số 009, 010-TD có đối chiếu với Biểu số 001-DBTK (báo cáo dư nợ theo ngành kinh tế) không? | Không, vì:  - Biểu số 009-TD yêu cầu các TCTD báo cáo dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP. Trong khi đó, Biểu số 001-DBTK yêu cầu TCTD báo cáo theo ngành nông, lâm, ngư nghiệp theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/1/2007 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.  - Biểu số 010-TD yêu cầu TCTD báo cáo dư nợ tín dụng theo mục đích sử dụng vốn vay đối với từng khoản vay. Trong khi đó, Biểu số 001-DBTK yêu cầu TCTD báo cáo dư nợ tín dụng theo ngành kinh doanh chính của khách hàng (căn cứ giấy phép kinh doanh của doanh nghiệp). |
| 5 | 012-TTGS | - Cột (12): Dự phòng cho toàn bộ dư nợ của khách hàng hay chỉ cho dư nợ đầu tư/kinh doanh cổ phiếu?  - Cột (9): Nếu khách hàng vừa có hạn mức doanh số giải ngân, vừa có hạn mức dư nợ thì báo cáo như thế nào? | Ngân hàng Quân đội | - Cột (12): Dự phòng cụ thể cho khách hàng (không phải dự phòng chỉ cho đầu tư/kinh doanh cổ phiếu).  - Cột số 9 là hạn mức cấp tín dụng (chỉ có khái niệm hạn mức cấp tín dụng). |
| 6 | 012-TTGS | Cột (12) có bao gồm dự phòng chung không? | Ngân hàng Sumitomo  Hà Nội | Cột (12) không bao gồm dự phòng chung. |
| 7 | 019-TD | Báo cáo tình hình cấp tín dụng hợp vốn có báo cáo đối với khoản hợp vốn mà ngân hàng thương mại không phải là đơn vị đầu mối không? | Ngân hàng  Kỹ thương | TCTD chỉ báo cáo tình hình cấp tín dụng hợp vốn của chính TCTD trong cả 2 trường hợp:  - TCTD tham gia cấp tín dụng hợp vốn là thành viên đầu mối.  - TCTD tham gia cấp tín dụng hợp vốn không phải là thành viên đầu mối. |
| 8 | 020-TD | Cột (4) “Số dư bảo lãnh” có bao gồm “Khách hàng tổ chức là người không cư trú” không? Và có bao gồm số dư bảo lãnh đối ứng hay không? | Ngân hàng Mega ICBC  Hồ Chí Minh | Có, vì:  - Điều 11 Thông tư số 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015 quy định về bảo lãnh ngân hàng quy định “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được bảo lãnh cho khách hàng tổ chức là người không cư trú”.  - Điều 6 Thông tư 07/2015/TT-NHNN quy định “Số dư bảo lãnh đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan bao gồm số dư phát hành cam kết bảo lãnh, số dư phát hành cam kết bảo lãnh đối ứng, số dư phát hành cam kết xác nhận bảo lãnh cho khách hàng đó, khách hàng đó và người có liên quan”. |
| 9 | 023-TTGS | Báo cáo này có loại trừ ủy thác cho bên nhận ủy thác là Chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong cùng hệ thống hoạt động tại Việt Nam không? | Ngân hàng Bangkok Bank | TCTD thực hiện theo quy định về ủy thác và nhận ủy thác của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Khoản 7 Điều 4 Thông tư 30/2014/TT-NHNN. Do vậy, Biểu số 023-TTGS không loại trừ ủy thác cho bên nhận ủy thác là Chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong cùng hệ thống hoạt động tại Việt Nam. |
| 10 | 023-TTGS | Theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2014/TT-NHNN, các khoản Ngân hàng đi ủy thác mà không chịu rủi ro được hạch toán vào Tài khoản 984. Vậy Biểu số 023-TTGS có bao gồm các khoản ngân hàng đi ủy thác mà không chịu rủi ro không? | Ngân hàng BNP Paribas HCM | Biểu số 023-TTGS có gồm tất cả các khoản ngân hàng đi ủy thác mà ngân hàng chịu rủi ro và không chịu rủi ro. |
| 11 | 025.1, 025.2-TTGS | Yêu cầu báo cáo theo kỳ hạn. Vậy yêu cầu báo cáo là kỳ hạn còn lại của khoản vay tại thời điểm báo cáo hay kỳ hạn ban đầu (thời hạn vay theo hợp đồng) của khoản vay. | Công ty  tài chính Prudential | Kỳ hạn còn lại của khoản vay tại thời điểm báo cáo. |
| 12 | 028-TTGS | Trong biểu này TCTD cần báo cáo tất cả các khoản nợ đã được xử lý hay chỉ các khoản nợ có phát sinh xử lý hoặc thu nợ trong tháng báo cáo. | Ngân hàng Ngoại thương | Cột (3), cột (4) độc lập nhau. Do đó, TCTD phải báo cáo các khoản nợ xấu đã được xử lý trong kỳ báo cáo tại cột (3); các khoản nợ xấu được thu hồi trong kỳ báo cáo tại cột (4).  Ví dụ: Trong kỳ báo cáo tháng 3, TCTD xử lý 300 tỷ nợ xấu của 05 khách hàng, nhưng chưa thu hồi được số tiền này; thực hiện thu hồi được 200 tỷ nợ xấu của 07 khách hàng (khoản nợ xấu của 7 khách hàng này có thể được xử lý trong kỳ hoặc tại các kỳ báo cáo trước) khi đó TCTD báo cáo như sau:  - Tại cột (3): TCTD báo cáo 300 tỷ.  - Tại cột (4): TCTD báo cáo 200 tỷ.  - Tại cột (6): là Nợ xấu đã xử lý nhưng chưa thu hồi được.  Nợ xấu đã xử lý (lũy kế) = Nợ xấu đã xử lý (đầu kỳ) + Nợ xấu đã xử lý (trong kỳ) - Nợ xấu đã thu hồi trong kỳ. |
| 13 | 028-TTGS | Cột (6): Nợ xấu đã xử lý chỉ là khoản nợ xấu đang theo dõi ngoại bảng?  Nếu khoản nợ xấu đó đã bị xóa khỏi ngoại bảng nhưng trong kỳ TCTD thu hồi được thì có tính trong cột này không? | Ngân hàng Natixis | - Cột (6): Là những khoản nợ xấu đang theo dõi ngoại bảng.  - Nếu khoản nợ xấu đó đã bị xóa khỏi ngoại bảng nhưng trong kỳ thu hồi được thì TCTD không thống kê vào cột (6). |
| 14 | 029.1, 029.2-TTGS | Đề nghị sửa hướng dẫn Cột (17): “Số tiền dự phòng cụ thể tổ chức tín dụng **đã trích lập** cho khoản nợ **đến** thời điểm báo cáo” thành “Số tiền dự phòng cụ thể tổ chức tín dụng **phải trích lập** cho khoản nợ **tại** thời điểm báo cáo”. | Ngân hàng Ngoại Thương | NHNN không sửa hướng dẫn cột (17) vì: NHNN yêu cầu TCTD báo cáo số dự phòng đã trích lập chứ không yêu cầu báo cáo số dự phòng phải trích lập (số dự phòng phải trích lập có thể khác với số dự phòng thực tế TCTD đã trích lập). |
| 15 | 034-TTGS | Báo cáo tình hình đầu tư chứng khoán nợ theo chủ thể phát hành và theo loại hình chứng khoán: Theo hướng dẫn việc thống kê tình hình đầu tư vào chứng khoán nợ tại báo cáo này được xác định theo chủ thể phát hành, vậy Chứng khoán do Chính phủ chỉ định phát hành cho vào mục nào? | Ngân hàng  Bưu điện  Liên Việt | NHNN quản lý theo chủ thể phát hành nên các đơn vị báo cáo chỉ căn cứ theo chủ thể phát hành.  Nếu chứng khoán nợ Chính phủ chỉ định:  - Địa phương phát hành: TCTD báo cáo vào Mục I.  - TCTD phát hành: TCTD báo cáo vào Mục II.  - Tổ chức khác phát hành: TCTD báo cáo vào mục III. |
| 16 | 034-TTGS | Hướng dẫn lập báo cáo nêu: “Đối với chứng khoán kinh doanh: Ghi giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: giá mua + chi phí mua (nếu có)”.  Vậy các loại chi phí nào được tính vào chi phí mua? Chi phí môi giới, phí chuyển tiền, phí đặt lệnh có tính là chi phí mua không? | Ngân hàng Citibank | TCTD căn cứ quy định tại Nghị định 57/2012/NĐ-CP về chế độ tài chính của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Những chi phí mua đã hạch toán vào giá trị trái phiếu là những chi phí được hạch toán tại tài khoản 14 “Chứng khoán kinh doanh”, 15 “Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán”, 16 “Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn”. |
| 17 | 037.1-TTGS | Bảo lãnh ở đây được hiểu là các khoản cam kết bảo lãnh được hạch toán ngoại bảng hay trả thay bảo lãnh (các khoản trả thay cá nhân, tổ chức trong trường hợp cá nhân, tổ chức được bảo lãnh không thực hiện được nghĩa vụ của mình khi đến hạn thanh toán)? | Ngân hàng  Bưu điện  Liên Việt | Bảo lãnh tại Biểu số 037.1-TTGS bao gồm:  - Dư nợ các khoản đã trả thay bảo lãnh (hạch toán nội bảng).  - Số dư các khoản bảo lãnh (hạch toán ngoại bảng). |
| 18 | 038, 039- CSTT | Dư nợ mua trái phiếu bằng Giá mua hay bằng Giá trị thuần của trái phiếu. | Ngân hàng  Bảo Việt | Dư nợ mua trái phiếu doanh nghiệp được tính bằng số tiền mà TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thanh toán khi thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp (*giá mua trái phiếu*). |
| 19 | 043-CSTT | Đề nghị NHNN làm rõ các chỉ tiêu: Các khoản sử dụng VND để mua ngoại tệ. |  | Các khoản sử dụng VND để mua ngoại tệ như mua ngoại tệ từ NHNN, TCTD khác và từ dân cư, tổ chức kinh tế. |
| 20 | 043-CSTT | 1. Ngày t là ngày làm việc cuối cùng trước ngày báo cáo.  2. Ngày t+1, t+2 là dựa trên ngày làm việc (working day) hay ngày trên lịch (calendarday)? | Ngân hàng Deutsche Bank | 1. Ngày t trong báo cáo là ngày đầu tiên của kỳ báo cáo. Ví dụ, Ngân hàng báo cáo cho kỳ từ ngày 01/03 đến 10/03, thì ngày t là ngày 01/03. Theo đó, các ngân hàng sẽ thực hiện báo cáo vào 9h sáng ngày 02/03 (*ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đầu tiên của kỳ báo cáo*).  2. Ngày t, t+1, t+2... là ngày trên lịch (*calendarday*); Định kỳ báo cáo: 3 kỳ/tháng (*kỳ 1 được tính từ ngày 01 đến ngày 10 của tháng báo cáo; kỳ 2 được tính từ ngày 11 đến ngày 20 của tháng báo cáo và kỳ 3 được tính từ ngày 21 đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo*). |
| 21 | 046-CSTT | Khi tính lãi suất cho vay bình quân có tính lãi suất quá hạn không? | Ngân hàng  Kỹ thương | Khi báo cáo lãi suất cho vay bình quân, TCTD chỉ tính lãi suất cho vay trong hạn. |
| 22 | 047-CSTT | Theo Thông tư 31/2013/TT-NHNN thì tại các chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố không khai thác biểu Lãi suất (Lãi suất huy động và cho vay). Trong thời gian tới, Thông tư 35/2015/TT-NHNN có cho phép quyền NHNN chi nhánh tỉnh quyền khai thác Biểu số 047-CSTT không? |  | Biểu số 047-CSTT tại Thông tư 35 được xây dựng trên cơ sở kế thừa nhóm chỉ tiêu 3A tại Thông tư 31/2013/TT-NHNN. Tuy nhiên, Biểu số 047-CSTT chỉ yêu cầu trụ sở chính TCTD báo cáo số liệu toàn hệ thống. NHNN không yêu cầu:  - Trụ sở chính báo cáo số liệu từng chi nhánh TCTD trong hệ thống.  - Quỹ tín dụng nhân dân báo cáo.  Do đó, không có số liệu của chi nhánh TCTD và Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn trong Kho dữ liệu chung của NHNN để các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố khai thác. Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết phục vụ chức năng quản lý, giám sát hoạt động các TCTD trên địa bàn, NHNN sẽ rà soát, xem xét cho phép các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố khai thác Biểu số 047-CSTT. |
| 23 | Nhóm mẫu biểu D “Thanh toán và Ngân quỹ” | Việc phân loại khách hàng theo loại hình tổ chức và cá nhân theo Thông tư 35 được thực hiện theo Phụ lục 4. Vậy đối với các nội dung trong các biểu mẫu của nhóm báo cáo D “Thanh toán và ngân quỹ” tại Phụ lục 1 Thông tư 35 cũng được phân loại theo Phụ lục 4 Thông tư 35 hay phân loại theo Thông tư 23/2014/TT-NHN ngày 19/8/2014 | Ngân hàng Hàng Hải | Tại nhóm báo cáo D “Thanh toán và ngân quỹ” Phụ lục 1 Thông tư 35, một số biểu báo cáo yêu cầu phân loại khách hàng. Tuy nhiên, phần hướng dẫn lập báo cáo của Biểu số 050, 052, 058-TT không dẫn chiếu áp dụng Phụ lục 4 của Thông tư 35 vì vậy không áp dụng cách phân loại theo Phụ lục này. Theo đó, các phân loại khách hàng của Biểu số 050, 052, 058-TT như sau:  - Biểu số 050-TT: Yêu cầu phân loại đối tượng khách hàng thành 4 nhóm là khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp (các loại hình doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014), tổ chức tín dụng (thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng 2010) và đối tượng khác (các đối tượng khách hàng không thuộc các nhóm khách hàng trên).  - Biểu số 052-TT: Yêu cầu phân loại đối tượng khách hàng thành ba nhóm là khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp và khách hàng tổ chức tín dụng. Cách phân loại tương tự Biểu số 050-TT, các doanh nghiệp và tổ chức khác được thống kê vào nhóm khách hàng doanh nghiệp.  - Biểu số 058-TT: Việc phân loại khách hàng theo loại hình tổ chức và cá nhân theo Thông tư 35 (để phân loại tài khoản cá nhân hoặc tài khoản tổ chức) được thực hiện theo Thông tư 23/2014/TT-NHN ngày 19/8/2014. |
| 24 | Nhóm mẫu biểu D “Thanh toán và Ngân quỹ” | Việc xác định, phân biệt thẻ ghi nợ nội địa như: Thẻ định danh, thẻ trả trước…, và thẻ quốc tế dựa vào tiêu chí nào. Nếu dựa vào mã pin thì ngân hàng Hàng Hải chưa có thông tin để phân biệt. Vậy NHNN có thể hỗ trợ tiêu chí để phân biệt thẻ ghi nợ nội địa, thẻ quốc tế. | Ngân hàng Hàng Hải | Các TCTD thực hiện phát hành thẻ đồng thời quy định các mã thẻ để phân biệt loại sản phẩm phát hành và đưa vào sử dụng, vì vậy các tổ chức tín dụng sẽ xác định phân biệt loại thẻ nội địa và thẻ quốc tế như: Thẻ định danh, thẻ trả trước… do chính TCTD báo cáo phát hành.  Đối với thẻ do các tổ chức khác phát hành, việc phân biệt thẻ nội địa và thẻ quốc tế dựa vào mã BIN. NHNN cung cấp Mã BIN cho các tổ chức tín dụng phát hành thẻ nội địa (Danh sách Mã BIN được công bố trên trang Web của NHNN). Đối với thẻ quốc tế sẽ áp dụng quy định mã của các tổ chức phát hành thẻ quốc tế (Visa, Master Card, JCB,…). |
| 25 | 049-CSTT | Theo hướng dẫn lập báo cáo, Biểu số 049-CSTT được báo cáo theo Biểu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-NHNN ngày 06/01/2015 Quy định hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  Đề nghị NHNN làm rõ thêm việc phân biệt giữa Hoạt động kinh doanh sản phẩm phái sinh lãi suất và Sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất. | Ngân hàng BNP Paribas HCM | Theo quy định tại Thông tư 01/2015/TT-NHNN:  - Hoạt động kinh doanh sản phẩm phái sinh lãi suất trên thị trường quốc tế là việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giao kết và thực hiện hợp đồng phái sinh lãi suất với tổ chức tài chính nước ngoài nhằm mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó đối với trường hợp ngân hàng BNP kinh doanh sản phẩm phái sinh lãi suất trên thị trường quốc tế, ngân hàng BNP báo cáo tại Mục II Biểu số 049-CSTT  - Hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất trên thị trường trong nước là việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giao kết và thực hiện hợp đồng phái sinh lãi suất với khách hàng nhằm mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất cho khách hàng. Theo đó, trường hợp ngân hàng BNP kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất trên thị trường trong nước, ngân hàng BNP báo cáo tại Mục I Biểu số 049-CSTT.  - Sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất là việc khách hàng (trong đó có TCTD) giao kết và thực hiện hợp đồng phái sinh lãi suất với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro lãi suất cho chính khách hàng đó. Theo đó, trường hợp ngân hàng BNP sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất, ngân hàng BNP báo cáo tại Mục III Biểu số 049-CSTT. |
| 26 | 050-TT và 053-TT | Các giao dịch điều chuyển vốn trên TK của tổ chức tại các TCTD khác (nostro account), giao dịch ngoại hối, giao dịch tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng khác hoặc của Ngân hang khác cũng sẽ được liệt kê vào báo cáo này hay không? | Ngân hàng BNP Paribas HCM | *- Biểu số 050-TT:*  + Các giao dịch điều chuyển vốn trên tài khoản của tổ chức tại các TCTD khác (nostro account), giao dịch ngoại hối có được thống kê tại Mẫu biểu này. Tùy theo hệ thống thanh toán mà ngân hàng sử dụng để gửi lệnh, các giao dịch này sẽ được phân loại vào nhóm chỉ tiêu phù hợp.  + Giao dịch tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng khác hoặc của ngân hàng khác không thống kê vào Biểu số 050-TT.  *- Biểu số 053-TT:*  + Các khoản chuyển vốn của bản thân tổ chức tín dụng báo cáo được thống kê vào các chỉ tiêu. Tuy nhiên, các khoản chuyển vốn để quyết toán các giao dịch thanh toán liên chi nhánh hoặc liên ngân hàng của khách hàng phải được loại khỏi thống kê do đã được thống kê một lần ở phần giao dịch của khách hàng.  + Biểu số 053-TT thống kê tình hình thanh toán không dùng tiền mặt nội địa được tổ chức tín dụng báo cáo thực hiện, vì vậy nếu các giao dịch ngoại hối là giao dịch nội địa thì được thống kê vào biểu này.  + Các giao dịch tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng không phải là giao dịch thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoặc chuyển tiền giữa các tổ chức, cá nhân nên không thống kê vào Mẫu biểu này. |
| 27 | 050-TT | Hiện tại ngân hàng Đông Á có thực hiện dịch vụ thanh toán của ngân hàng BIDV (BIDV Payment) và ngân hàng Vietcombank (Vietcombank money) và tham gia thanh toán điện tử liên ngân hàng (kênh Citad). Vậy chỉ tiêu 3 của báo cáo này có bao gồm các giao dịch qua cả ba kênh BIDV, Vietcombank và Citad hay không? | Ngân hàng Đông Á | - Nếu các giao dịch thanh toán của ngân hàng Đông Á với ngân hàng BIDV, ngân hàng Vietcombank được thực hiện “thông qua kết nối trực tiếp với BIDV, Vietcombank (sử dụng phần mềm, thiết bị…) trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận hoặc mở tài khoản…” như hướng dẫn tại Biểu số 050-TT thì các giao dịch này sẽ được thống kê vào Chỉ tiêu 3.  - Chỉ tiêu 3 và các chỉ tiêu khác tại Biểu số 050-TT không thống kê các giao dịch thanh toán qua các hệ thống thanh toán của NHNN (Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng và Hệ thống Thanh toán bù trừ điện tử). |
| 28 | 052-TT | Chi nhánh ngân hàng nước ngoài không có SWIFT trực tiếp, các giao dịch chuyển tiền quốc tế, chi nhánh thực hiện chuyển điện về Hội sở chính ở nước ngoài để chuyển tiếp (Tại BIDC là sử dụng chương trình Inpay) thì có cần báo cáo không? | Ngân hàng BIDC  Hồ Chí Minh | Ngân hàng BIDC Hồ Chí Minh không sử dụng SWIFT để thực hiện lệnh thanh toán nên ngân hàng BIDC Hồ Chí Minh sẽ thực hiện báo cáo không phát sinh đối với Biểu số 052-TT này. |
| 29 | 052-TT | Cột (8), (9): Ngoài các giao dịch của TCTD liên quan tới: chuyển tiền liên quan đến hàng hóa dịch vụ, hoạt động vay và trả nợ, có bao gồm các giao dịch điều chuyển vốn giữa các TCTD qua hệ thống Swift không? Và ngoài ra còn cần tổng hợp những giao dịch nào khác? | Ngân hàng Đông Nam Á | Cột (8), (9): TCTD báo cáo thống kê các giao dịch đối với nhóm khách hàng là TCTD. Vì vậy, có thống kê các giao dịch điều chuyển vốn giữa các TCTD qua hệ thống SWIFT. Ngoài ra, tùy vào thực tế thanh toán tại đơn vị, TCTD thống kê tất cả các giao dịch phục vụ nhu cầu thanh toán, chuyển tiền của bản thân TCTD với TCTD đối tác. |
| 30 | 053-TT | Hướng dẫn tại Chỉ tiêu 1.2 - Giao dịch thanh toán phân theo phương tiện thanh toán qua thẻ như sau: “Thống kê áp dụng đối với các Thẻ do tổ chức tín dụng trong nước phát hành thì được tổ chức tín dụng phát hành báo cáo”. Như vậy là toàn bộ giao dịch thanh toán của thẻ do ngân hàng Đông Nam Á phát hành trên tất cả các kênh giao dịch thanh toán? | Ngân hàng Đông Nam Á | Chỉ tiêu 1.2: Thống kê toàn bộ các giao dịch thanh toán nội địa của thẻ do ngân hàng Đông Nam Á phát hành.  Thống kê về “giao dịch thanh toán” tại Chỉ tiêu 1.2 không bao gồm các giao dịch rút tiền từ tài khoản bằng thẻ hoặc giao dịch chuyển tiền mà người gửi và người nhận là một (một khách hàng có một hoặc nhiều tài khoản tại cùng một ngân hàng), đồng thời không bao gồm các khoản thanh toán giữa tổ chức tín dụng báo cáo và khách hàng (như các khoản cho vay, trả nợ tiền vay, trả lãi hoặc phí). |
| 31 | 053-TT | Mục 3.1, 3.2: Ngân hàng chưa hiểu cụm từ “Giao dịch thanh toán” nghĩa là toàn bộ các giao dịch liên quan tới tiền trên các kênh hay không? Hiện nay có các kênh như:  + Ngân hàng điện tử gồm: SeAMobile, SeANet, SeAMobile web.  + Tại quầy. | Ngân hàng Đông Nam Á | “Giao dịch thanh toán” ở Mục 3 được hiểu là các giao dịch nội địa không dùng tiền mặt để việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoặc chuyển tiền giữa các tổ chức và cá nhân được phân loại theo các kênh thanh toán như Internet Banking, Mobile Banking, ATM, POS, giao dịch chuyển tiền tại quầy và các kênh thanh toán khác, (không bao gồm các giao dịch gửi, rút tiền từ tài khoản bằng séc, thẻ hoặc giao dịch chuyển tiền mà người gửi và người nhận là một (một khách hàng có một hoặc nhiều tài khoản tại cùng một ngân hàng), đồng thời không bao gồm các khoản thanh toán giữa tổ chức tín dụng báo cáo và khách hàng (như các khoản cho vay, trả nợ tiền vay, trả lãi hoặc phí).  - Ngân hàng Đông Á căn cứ vào cách thức giao dịch của từng dịch vụ ngân hàng điện tử, đối chiếu đến phần hướng dẫn lập báo cáo tương ứng, để xác định kênh giao dịch thanh toán cụ thể là gì (Internet Banking hay Mobile Banking). Kênh giao dịch Internet Banking thống kê các giao dịch thanh toán qua các cổng thanh toán trên Internet, các giao dịch thanh toán được thực hiện bằng việc truy cập Internet trên điện thoại di động vẫn được thống kê vào Internet Banking. Kênh giao dịch Mobile Banking thống kê các giao dịch thanh toán được khách hàng thực hiện bằng sử dụng một phần mềm riêng biệt cài đặt trên điện thoại di động để thực hiện thanh toán.  - Các giao dịch thanh toán tại quầy là các giao dịch không dùng tiền mặt nội địa được thực hiện tại quầy giao dịch như: chuyển khoản, ủy nhiệm chi, lệnh chi, lệnh phiếu, hối phiếu… |
| 32 | 054-TT | Làm rõ chỉ tiêu 1.3 (chuyển tiền khác): Các giao dịch vốn trong chỉ tiêu này là những giao dịch cụ thể như thế nào? | Ngân hàng Đông Nam Á | Khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 quy định:  *“Giao dịch vốn là giao dịch chuyển vốn giữa người cư trú với người không cư trú trong các hoạt động sau đây:*  *a) Đầu tư trực tiếp;*  *b) Đầu tư gián tiếp;*  *c) Vay và trả nợ nước ngoài;*  *d) Cho vay và thu hồi nợ nước ngoài;*  *đ) Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam”.* |
| 33 | 055-TT | Báo cáo giao dịch thẻ theo thiết bị ATM,  POS/EFTPOS/EDC: đối với thẻ SeABank, thực hiện theo loại thẻ, đối với thẻ ngân hàng khác phát hành, không phân loại được theo loại thẻ, Trung tâm thẻ chỉ báo cáo số tổng. | Ngân hàng Đông Nam Á | Đối với các giao dịch thẻ do TCTD báo cáo phát hành thực hiện thống kê chi tiết phân theo các loại thẻ (thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ trả trước). Đối với các giao dịch của thẻ không do TCTD báo cáo phát hành nhưng thực hiện giao dịch qua thiết bị ATM và POS của TCTD báo cáo, nếu không có thông tin của TCTD phát hành để phân loại thẻ thì sẽ thống kê vào chỉ tiêu “Thẻ khác”. |
| 34 | 055-TT | Chỉ tiêu 5 - Giao dịch rút tiền mặt theo phương tiện thanh toán thẻ: “Thống kê áp dụng đối với thẻ do tổ chức tín dụng báo cáo phát hành” tức là chỉ những giao dịch thẻ do ngân hàng Đông Nam Á phát hành trên hệ thống ATM? Việc thống kê ở đây là thống kê theo chiều SeABank là tổ chức phát hành thẻ hay tổ chức thanh toán? | Ngân hàng Đông Nam Á | Chỉ tiêu 5: Thống kê các giao dịch rút tiền mặt của thẻ do TCTD báo cáo phát hành.  Với câu hỏi cụ thể này, việc thống kê tại chỉ tiêu này là thống kê giao dịch rút tiền mặt bằng thẻ do ngân hàng Đông Nam Á phát hành. |
| 35 | 055-TT | Tại biểu mẫu có chỉ tiêu thống kê: “Thẻ do tổ chức tín dụng trong nước phát hành/Thẻ do ngân hàng ở nước ngoài phát hành thực hiện giao dịch tại hệ thống của ngân hàng Quân đội”. Hiện tại, MB không thể lấy được thông tin do hệ thống không định nghĩa được thẻ nào của ngân hàng trong nước và thẻ nào của ngân hàng nước ngoài. Đề nghị NHNN có hướng dẫn cụ thể. | Ngân hàng  Quân đội | Thẻ nội địa của tổ chức trong nước phát hành được phân biệt bằng mã BIN do NHNN cung cấp cho các tổ chức tín dụng (Danh sách Mã BIN được công bố trên trang Web của NHNN).  Thẻ quốc tế: 6 mã BIN đầu của thẻ sẽ xác định sản phẩm thẻ của ngân hàng phát hành, các đơn vị là thành viên của tổ chức phát hành thẻ quốc tế (Visa, Master…) sẽ có mã truy cập để tra cứu chi tiết về loại thẻ, đơn vị phát hành thẻ, quốc gia phát hành…  NHNN được biết, hiện nay, ngân hàng Quân đội đang là thành viên của Tổ chức thẻ quốc tế. Vì vậy, ngân hàng Quân đội có mã thành viên để truy cập tra cứu xác định loại thẻ thực hiện giao dịch qua thiết bị chấp nhận thẻ của ngân hàng Quân đội. |
| 36 | 056-DBTK | Tiêu chí chọn Người cư trú của Việt Nam tại nước ngoài như thế nào: Là chủ thẻ người Việt Nam cư trú tại nước ngoài hay chủ thẻ Người Việt Nam cư trú tại Việt Nam chi tiêu tại nước ngoài? | Ngân hàng Đông Á | Theo hướng dẫn lập báo cáo tại Biểu số 056-DBTK, các TCTD thống kê tất cả các giao dịch của Người cư trú của Việt Nam chi tiêu tại nước ngoài qua thẻ thanh toán quốc tế. Như vậy, chủ thẻ phải là Người cư trú của Việt Nam theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18/3/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối và khoản chi tiêu qua thẻ phải phát sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam. |
| 37 | 065, 066-PHKQ | Làm rõ trụ sở chính có phải báo cáo không vì trên Danh sách đối tượng phải thực hiện báo cáo thì chỉ có Chi nhánh phải thực hiện báo cáo nhưng tại phần hướng dẫn thực hiện báo cáo nêu: Trụ sở chính TCTD tổng hợp số liệu từng chi nhánh (nếu có) gửi NHNN thông qua Cục Công nghệ tin học. |  | Trụ sở chính TCTD **tổng hợp số liệu từng chi nhánh TCTD trong hệ thống** gửi NHNN thông qua Cục Công nghệ tin học.  NHNN không yêu cầu trụ sở chính TCTD báo cáo số liệu toàn hệ thống. |
| 38 | Biểu 067, 068-QLNH | Làm rõ khái niệm vay bằng hàng là hình thức vay thông qua hợp đồng nhập khẩu trả chậm…  1. Vậy hợp đồng nhập khẩu trả chậm chỉ bao gồm các hợp đồng có điều khoản thanh toán (T/T, nhờ thu, L/C) trả chậm hay gồm cả giao dịch trả sau sau khi nhận hàng?  2. Trong trường hợp thanh toán bằng T/T và Nhờ thu thì cách thể hiện ở cột (2) và cột (7) như thế nào? | Ngân hàng Đông Nam Á | 1. Ngày 15/4/2016, NHNN đã ban hành Thông tư 05/2016/TT-NHNN (Thông tư 05) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2016/TT-NHNN ngày 26/02/2016 của Thống đốc NHNN hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp. Theo đó, khoản vay nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm là khoản nhập khẩu hàng hóa có ngày rút vốn đầu tiên trước ngày thanh toán cuối cùng. Ngoài ra, Thông tư 05 quy định về Ngày rút vốn, Ngày thanh toán, Thời hạn vay của khoản vay nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm. Do đó, đề nghị TCTD căn cứ vào các quy định tại Thông tư 05 để xác định ngày rút vốn, phân loại vay ngắn hạn, vay trung dài hạn đối với hình thức vay nước ngoài bằng hàng.2. Trong trường hợp thanh toán bằng T/T và Nhờ thu thì TCTD thực hiện báo cáo các chỉ tiêu tại cột (2) và cột (7) như sau:  Ngân hàng ghi số tiền khách hàng yêu cầu chuyển để thanh toán (dư nợ khoản vay nước ngoài được trả trong kỳ báo cáo) vào cột (4) “Trả nợ gốc”. Đồng thời, ghi tương ứng số tiền này vào:  - Cột (2) “Rút vốn”: Để ghi nhận số rút vốn nếu việc rút vốn xảy ra trong kỳ báo cáo.  - Cột (3) “Khác”: Để ghi nhận số rút vốn đã xảy ra ở thời điểm không nằm trong kỳ báo cáo.  ***Lưu ý:*** Khi khách hàng xuất trình bộ chứng từ để thanh toán khoản vay dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm, TCTD căn cứ vào chứng từ thanh toán do doanh nghiệp cung cấp (tờ khai hải quan đã thông quan), quy định tại Thông tư 05 để xác định thời điểm doanh nghiệp rút vốn khoản vay nước ngoài. |
| 39 | Biểu 070, 071-QLNH | Có bao gồm vay bằng hàng không? Các ngân hàng cũng không kiểm soát được nhận tiền thanh toán hàng xuất trả chậm bằng hình thức thanh toán. | Ngân hàng Đông Á | Tại Biểu số 070-QLNH và Biểu số 071-QLNH, các khoản cho vay và thu hồi nợ nước ngoài trung, dài hạn **bằng tiền** (không bao gồm khoản cho vay bằng hàng hay xuất khẩu hàng hóa thu tiền sau). |
| 40 | 074, 075-QLNH | Số liệu báo cáo có bao gồm cả số liệu Westion Union không? | Ngân hàng  Dầu khí  toàn cầu | Dòng tiền chuyển từ nước ngoài vào cho cá nhân Việt Nam có thể thực hiện dưới nhiều hình thức như sau:  - Chuyển thẳng vào tài khoản cá nhân mở tại ngân hàng;  - Các ngân hàng nhận tiền từ nước ngoài và chi trả cho các cá nhân Việt Nam theo các hợp đồng chuyển tiền với các đối tác nước ngoài như Westion Union,…  Do đó, tất cả các hình thức chuyển tiền nêu trên đều được thống kê vào Biểu số 074-QLNH. |
| 41 | 074-QLNH | Người cư trú của Việt Nam ở đây là những đối tượng nào? Người nước ngoài vào Việt Nam mở tài khoản thanh toán rồi nhận tiền thì có được thống kê vào hay không? | Ngân hàng BIDC | Điều 1 Pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18/3/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 và Phụ lục 2 Thông tư 35/2015/TT-NHNN đã quy định cụ thể về Ngưởi cư trú và Người không cư trú của Việt Nam. Do đó, đề nghị TCTD căn cứ các quy định nêu trên để xác định các trường hợp cá nhân là Người cư trú của Việt Nam trong quá trình lập Biểu số 074-QLNH. |
| 42 | 074-QLNH | Đề nghị NHNN giải thích rõ hơn chỉ tiêu cột (9) “sử dụng vào các mục đích được phép khác”. | Ngân hàng  Dầu khí  toàn cầu | Cá nhân có ngoại tệ thu được từ các khoản chuyển tiền một chiều sẽ được sử dụng vào các mục đích quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối. Do đó, ngoài các mục đích quy định tại cột (5) đến cột (8) Biểu số 074-QLNH, cá nhân còn có thể được sử dụng vào các mục đích được phép khác như: chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích du lịch, học tập,… |
| 43 | 082-QLNH | Số dư tại thời điểm báo cáo ví dụ cuối ngày 31/3/2016 là số dư trên hệ thống core của SeAbank chỉ phản ánh giao dịch tiền đi trong ngày trên tài khoản và một số giao dịch báo có đã được hạch toán trong ngày 31/3/2016. Do chênh lệch múi giờ nên đêm ngày 31/3/2016 vẫn là giờ giao dịch của Mỹ, Châu Âu… nên báo có tiếp tục chuyển về nhưng chưa được hạch toán. Đến sáng ngày 01/4/2016 SeAbank mới nhận sao kê tài khoản và hạch toán bổ sung đầy đủ các giao dịch. Lúc đó số dư trên điện Swift 950 sao kê cho ngày 31/3/16 mới là số dư chuẩn của tài khoản SeAbank ở nước ngoài.  Do đặc thù trong hoạt động thanh toán quốc tế, nên SeAbank muốn xin ý kiến của NHNN về việc sẽ lấy số dư trên phần mềm core T24 của SeABank phản ánh tại thời điểm chốt báo cáo cuối ngày 31/3/2016 hay số dư chuẩn trên Swift. | Ngân hàng Đông Nam Á | Số liệu báo cáo tại Biểu số 082-QLNH là số liệu báo cáo số dư tiền gửi ở nước ngoài theo tháng và có độ trễ là 12 ngày. Do đó, đến thời điểm báo cáo, TCTD đã có số liệu đầy đủ về số dư tiền gửi cuối tháng. Vì vậy, TCTD cần thực hiện báo cáo theo số liệu đã hạch toán. |
| 44 | 083-CSTT | Các báo cáo theo Thông tư 07/2012/TT-NHNN về trạng thái ngoại tệ sẽ giống với Biểu số 08-CSTT của Thông tư 35. Vậy, các ngân hàng có cần tiếp tục gửi báo cáo theo Thông tư 07/2012/TT-NHNN nữa hay không? | Ngân hàng  DBS | Khi Thông tư 35 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017, các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện báo cáo trạng thái ngoại tệ theo Biểu số 083-CSTT Thông tư 35.  NHNN sẽ thông báo đến các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tạm dừng yêu cầu báo cáo Trạng thái ngoại tệ theo Phụ lục tại Thông tư 07/2012/TT-NHNN khi Thông tư 35 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017. |
| 45 | 085-SGD | 1. Theo hướng dẫn, các giao dịch cho vay giữa các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam trong cùng một ngân hàng nước ngoài không phải báo cáo? Như vậy, đối với các giao dịch tiền gửi có phải báo cáo không?  2. Đối với các giao dịch ngoại tệ sẽ quy đổi ra VND, như vậy, tỷ giá quy đổi là tỷ giá nào? Vì có những trường hợp thực hiện giao dịch đối ứng thì tỷ giá quy đổi là do thỏa thuận của 2 bên | Ngân hàng BIDC  Hồ Chí Minh | 1. Tại Biểu số 085-SGD, NHNN đã hướng dẫn cụ thể các giao dịch không phải báo cáo như sau:  - Các khoản tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  - Các giao dịch cho vay giữa các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam của cùng một ngân hàng nước ngoài;  - Các giao dịch giữa tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam với tổ chức tín dụng ở nước ngoài;  - Giao dịch cho vay thấu chi trên tài khoản thanh toán giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  - Giao dịch cho vay đảm bảo khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán giữa ngân hàng thanh toán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lựa chọn với các thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  Do đó, Biểu số 085-SGD không yêu cầu các TCTD báo cáo các giao dịch tiền gửi giữa các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam của cùng một ngân hàng nước ngoài.  2. Liên quan đến tỷ giá quy đổi đối với các giao dịch ngoại tệ, các TCTD thực hiện theo hướng dẫn tại Phần 1 Phụ lục 2 Thông tư 35. |
| 46 | 097-TTGS | Đề nghị NHNN bổ sung cột loại ngoại tệ sau cột (7) và cột (10) (vì có thể góp vốn bằng nhiều loại ngoại tệ khác nhau. | Ngân hàng  Đầu tư | NHNN không bổ sung cột loại ngoại tệ sau cột (7) và cột (10) vì không cần thiết. |
| 47 | 097-TTGS | Cột (12) yêu cầu khai báo tổng tài sản của doanh nghiệp được góp vốn, mua cổ phần tại thời điểm Quý gần nhất, số liệu này TCTD sẽ lấy trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp được góp vốn, mua cổ phần. Tuy nhiên, có một số doanh nghiệp không thực hiện làm báo cáo tài chính theo Quý.  Đề nghị NHNN hướng dẫn việc khai báo số liệu tại cột (12) đối với doanh nghiệp thuộc trường hợp trên không có số liệu tổng tài sản theo Quý mà chỉ có số liệu tổng tài sản theo Năm. |  | Đối với trường hợp này, TCTD thực hiện báo cáo số liệu Quý gần nhất (Quý IV năm trước). |
| 48 | Từ Biểu 100-TTGS đến Biểu 107-TTGS | Đề nghị NHNN giải thích về khái niệm “Cổ đông chính” để thống nhất thực hiện? |  | Cổ đông chính: Cổ đông được gọi là cổ đông chính trong trường hợp khi sở hữu cổ phần của cổ đông và người có liên quan của cổ đông này làm tổng sở hữu cả phần cả nhóm chiếm tỷ trọng cao nhất so vốn điều lệ của TCTD.  *Ví dụ:* Nhóm cổ đông có liên quan đến nhau gồm: Cổ đông A, cổ đông B, cổ đông C, cổ đông D.…, trong trường hợp: Nếu cổ đông A là cổ đông chính thì sở hữu cổ phần của cổ đông A và người liên quan chiếm tỷ trọng 25% vốn điều lệ; Nếu cổ đông B là cổ đông chính thì sở hữu cổ phần của cổ đông B và người liên quan chiếm tỷ trọng 28% vốn điều lệ; Nếu cổ đông C là cổ đông chính thì sở hữu cổ phần của cổ đông C và người liên quan chiếm tỷ trọng 30% vốn điều lệ... thì cổ đông C sẽ là cổ đông chính. |
| 49 | 104, 105, 106-TTGS | Đối với chỉ tiêu cổ phần đã cầm cố (thế chấp) của cổ đông liên quan: Đây là chỉ tiêu TCTD gặp khó khăn trong công tác thống kê vì TCTD không có cơ sở yêu cầu cổ đông cung cấp thông tin cổ đông đã đem cổ phiếu của TCTD đi thế chấp vay ở TCTD khác. Kính mong NHNN có hướng dẫn cụ thể cách thức để thống kê được chỉ tiêu này. | Ngân hàng  Xuất nhập khẩu | TCTD cần nghiên cứu các giải pháp để theo dõi, quản lý đối với nội dung này. Đây là một trong những chỉ tiêu quản lý quan trọng liên quan đến sở hữu chéo, đồng thời giúp cho TCTD nhận diện được những rủi ro tiềm ẩn từ việc cầm cố tài sản của ngân hàng của cổ đông. |
| 50 | 111-TTGS | Thời gian đến hạn: thời gian đến hạn từ ngày bắt đầu hay thời gian còn lại? | Ngân hàng Deutsche Bank | Thời gian còn lại. |
| 51 | 115-TTGS | Theo Thông tư 36/2014/TT-NHNN, khi tính tỷ lệ này, trên phần tử số, TCTD được phép trừ ra một số khoản được phép khấu trừ và vốn chủ sở hữu dùng để cho vay. Tuy nhiên, Biểu 115-TTGS lại không có dòng nào thể hiện các khoản khấu trừ này. Như vậy, tỷ lệ tính dựa trên Biểu 115-TTGS không phản ánh đúng tỷ lệ tính theo Thông tư 36. | Ngân hàng Deutsche Bank | Số liệu báo cáo tại các khoản mục cấp tín dụng là số liệu đã loại trừ một số khoản theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Thông tư 36/2014/TT-NHNN. |
| 52 | 117-TTGS | Phần dư nợ trung dài hạn quá hạn có tính khoản có lãi quá hạn không? |  | Phần dư nợ trung dài hạn quá hạn tính theo thời gian quá hạn của Nợ gốc. Do đó, phần dư nợ trung, dài hạn quá hạn không tính khoản có lãi quá hạn. |
| 53 | 119.1-TTGS và 119.2-TTGS | Tại Biểu số 119.1-TTGS và 119.2-TTGS, phần 2 - Cam kết ngoại bảng các mục từ số 31 đến số 50 có thể tương ứng với nhiều hệ số rủi ro là 0%, 20%, 50% theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 nhưng hiện tại mỗi mục chỉ cho phép báo cáo 1 dòng. Đề nghị hướng dẫn lập báo cáo trong trường hợp có nhiều hệ số rủi ro. | Ngân hàng BNP Paribas HCM | - TCTD thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 Phần A Thông tư 36/2014/TT-NHNN  - Đối với mỗi chỉ tiêu trong cam kết ngoại bảng TCTD thực hiện báo cáo cáo số liệu sau khi nhân với hệ số rủi ro vào Cột (6). |
| 54 | 119.2-TTGS | Đối với các chi nhánh ngân hàng nước ngoài hạch toán độc lập có thuộc đối tượng báo cáo không? Nếu có thì có phải tại thời điểm báo cáo Quý thì số liệu báo cáo tài sản có rủi ro riêng lẻ (Báo cáo Tháng) bằng số liệu báo cáo tài sản có rủi ro hợp nhất? | Ngân hàng BIDC HCM | Chi nhánh ngân hàng nước ngoài hạch toán độc lập không có công ty con, công ty liên kết, công ty phụ thuộc. Do vậy, không thuộc đối tượng báo cáo theo quy định tại mẫu biểu này. |
| 55 | 128.1-TTGS đến 128.4-TTGS | Các mẫu biểu có yêu cầu báo cáo chi tiết từng khoản vay hay không? | Ngân hàng Dầu khí toàn cầu | Từ Biểu số 128.1-TTGS đến 128.4-TTGS: **Các mẫu biểu báo cáo đến cấp khách hàng vay**. |
| 56 | 128.1-TTGS | Cột (11): Mã ngành kinh tế phân theo mục đích khoản vay trong khi đây chỉ là báo cáo chi tiết đến từng khách hàng chứ không chi tiết đến từng khoản vay, vậy báo cáo mục đích khoản vay như thế nào khi có nhiều khoản vay với mục đích khác nhau? Hay phải báo cáo phân loại mã ngành kinh tế theo loại hình hoạt động kinh doanh của khách hàng? | Ngân hàng Bank of Tokyo Hà Nội | Trường hợp khách hàng có nhiều khoản nợ thì TCTD thực hiện như sau:  Cột (11): TCTD báo cáo mã ngành kinh tế theo ngành kinh doanh chính của khách hàng. |
| 57 | 128.1-TTGS | Báo cáo đề cập đến thông tin về công ty mẹ. Nếu khách hàng có nhiều hơn 1 công ty mẹ sở hữu dưới 50% vốn chủ sở hữu thì phải báo cáo như thế nào? | Ngân hàng Bank of Tokyo | Thông tin về Công ty Mẹ được thực hiện theo quy định tại Điều 189 Luật Doanh nghiệp 2014. |
| 58 | 128.2-TTGS | - Cột (7): Dư nợ có gồm dư bảo lãnh, L/C hay không?  - Cột (8): Khách hàng được xử lý nợ trong kỳ: đề nghị làm rõ các đối tượng được tính là “xử lý nợ”.  - Cột (15): “Lãi dự thu” này có trùng với “lãi dự thu” ở biểu 001-DBTK hay không? | Ngân hàng Quân đội | - Dư nợ không bao gồm các cam kết bảo lãnh, L/C đang theo dõi, hạch toán ngoại bảng.  - Cột (8): Đối tượng được tính là “xử lý nợ” khi làm giảm nợ xấu (không tính chuyển nhóm nợ).  - Về bản chất, lãi dự thu ở biểu này thống kê như lãi dự thu ở Biểu số 001-DBTK. Tuy nhiên, lãi dự thu tại Biểu số 128.2-TTGS được báo cáo gắn với từng khách hàng cụ thể. |
| 59 | 129-TTGS | Báo cáo phải thu, phải trả đối với người quản lý, thành viên ban kiểm soát của đơn vị báo cáo: Quy định này có áp dụng đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài không? | Ngân hàng Deutsche Bank | Quy định đơn vị nêu có áp dụng đối với các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. |
| 60 | 132, 133-TTGS | - Trong số các chỉ tiêu của Tổng tài sản không thấy có chỉ tiêu Hoạt động mua nợ. Vậy nếu trong Bảng cân đối kế toán của TCTD có họat động này thì có đưa vào 2 Biểu số 132-TTGS và 133-TTGS hay không?  - Tại mục 3 Biểu số 132-TTGS, 133-TTGS quy định về Thời hạn gửi báo cáo đối với các loại BCTC giữa niên độ, BCTC bán niên đã được soát xét và BCTC năm đã được kiểm toán. Vậy lấy ví dụ đối với các BCTC bán niên được soát xét thì thời hạn gửi báo cáo chậm nhất là 30 ngày đầu tiên của quý tiếp theo (lúc chưa được soát xét) hay là 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính (lúc đã được soát xét). Nghĩa là TCTD chỉ truyền dữ liệu 1 lần duy nhất trong thời hạn 45 ngày sau khi đã được soát xét hay sẽ truyền lần 1 trong thời hạn 30 ngày lúc chưa được soát xét và truyền lại lần 2 sau khi BCTC đã được soát xét hoặc đã được kiểm toán? | Ngân hàng  Sài Gòn | - Nếu có Hoạt động mua nợ thì ghi nhận vào mục Tài sản Có khác.  - Thời gian nộp báo cáo tài chính đã được quy định cụ thể tại Điều 7 Thông tư 49/2014/TT-NHNN. Đề nghị các TCTD nghiên cứu để thực hiện. Đối với báo cáo tài chính Quý II, TCTD phải gửi các báo cáo:  + Báo cáo tài chính giữa niên độ (báo cáo tài chính riêng Quý II): Chậm nhất ngày 30 tháng đầu tiên của quý kế tiếp;  + Báo cáo tài chính bán niên đã soát xét (báo cáo tài chính 6 tháng): Chậm nhất 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. |
| 61 | 134, 135-TTGS | Đề nghị NHNN hướng dẫn thêm về định nghĩa giao dịch vốn (các khoản thanh toán cho khách hàng về dịch vụ chuyển tiền có phải báo cáo trong 2 mẫu biểu này không?) | Ngân hàng BNP Paribas HCM | - Phần hướng dẫn Biểu số 134-TTGS đã quy định: Thống kê số dư chi tiết đến từng giao dịch tín dụng giữa đơn vị báo cáo theo từng tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài trong kỳ báo cáo, bao gồm các giao dịch về nhận tiền gửi, đi vay, gửi tiền, cho vay và các giao dịch nhận/cấp tín dụng khác. *Do vậy, các khoản thanh toán cho khách hàng về dịch vụ chuyển tiền thì không phải báo cáo trong mẫu biểu này.*  - Phần hướng dẫn Biểu số 135-TTGS đã quy định: Báo cáo chi tiết từng giao dịch vốn nội bộ giữa đơn vị báo cáo với các đơn vị khác trong cùng hệ thống (giữa Trụ sở chính với chi nhánh khác cùng hệ thống hoặc giữa Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam với ngân hàng mẹ và các chi nhánh/đơn vị khác cùng Ngân hàng mẹ). *Do vậy, các khoản thanh toán cho khách hàng về dịch vụ chuyển tiền thì không phải báo cáo trong mẫu biểu này.* |
| 62 | 135-TTGS | Nếu NHNN yêu cầu báo cáo theo từng giao dịch thì việc báo cáo số dư đầu kỳ, doanh số nợ/ có đối với các giao dịch dài hạn quá phức tạp, khó có thể thực hiện được. | Ngân hàng Bank of Tokyo Hồ Chí Minh | Biểu số 135-TTGS yêu cầu TCTD báo cáo theo tháng. Việc theo dõi các giao dịch giữa các đơn vị trong từng ngân hàng là việc làm thường kỳ của ngân hàng, ngân hàng phải tổ chức ghi nhận, theo dõi các giao dịch đó là xuất phát từ chính hoạt động, kinh doanh của mình. Vì vậy, việc tổ chức thực hiện việc báo cáo sẽ không là quá khó đối với ngân hàng. Đồng thời giúp NHNN quản lý giám sát được tình hình hoạt động đối với loại nghiệp vụ hoạt động này.  ***Lưu ý:*** Đối với chi nhánh khác trong cùng hệ thống hoặc ngân hàng Mẹ trong kỳ báo cáo không có phát sinh thì vẫn phải báo cáo số dư lũy kế đến kỳ báo cáo vào cột (11) hoặc (12) và các thông tin khác vào cột tương ứng. |
| 63 | 135-TTGS | Theo hướng dẫn, đơn vị báo cáo phải báo cáo chi tiết từng giao dịch vốn nội bộ giữa các đơn vị trong cùng hệ thống có nghĩa đơn vị phải liệt kê từng giao dịch đi-đến trong tháng. Đối với việc hạch toán liên chi nhánh sẽ phát sinh chi tiết đến từng khách hàng. Như vậy, từ cột (7) đến cột (12) sẽ thực hiện như thế nào? Nếu lấy số dư đầu kỳ, số dư phát sinh, số dư cuối kỳ thì chỉ có thể tính số tổng của từng đơn vị liên quan. | Ngân hàng BIDC  Hồ Chí Minh | - Các TCTD thuộc đối tượng phải báo cáo phải báo cáo chi tiết theo từng loại giao dịch vốn được hạch toán theo từng tài khoản, từng chi nhánh khác cùng hệ thống hoặc ngân hàng Mẹ.  - Trong trường hợp TCTD báo cáo giao dịch vốn của chi nhánh khác cùng hệ thống hoặc của ngân hàng mẹ, nếu có nhiều giao dịch cùng nội dung và được hạch toán cùng một tài khoản thì hợp cộng Doanh số nợ/có, Dư đầu nợ/có, dư cuối nợ/có để báo cáo.  ***Lưu ý:*** Đối với chi nhánh khác trong cùng hệ thống hoặc ngân hàng Mẹ trong kỳ báo cáo không có phát sinh thì vẫn phải báo cáo số dư lũy kế đến kỳ báo cáo vào cột (11) hoặc (12) và các thông tin khác vào cột tương ứng. |
| 64 | Báo cáo tài chính | 1. Các mẫu biểu của phần H có thay thế tất cả các báo cáo cáo theo Thông tư 49/2014/TT-NHNN không? Ví dụ Biểu số 162-TTGS có thay thế báo cáo B02, B02a và phần thuyết minh tài sản công nợ trong báo cáo B05, B05a của Thông tư 49/2014/TT-NHNN không?  2. Việc truyền file text (chỉ tiêu) đối với báo cáo Thông tư 49 (B02, B03, B04) cho NHNN vẫn tiếp tục như hiện tại, song song với việc gửi báo cáo mẫu biểu theo Thông tư 35. | Ngân hàng Deutsche Bank | 1. Đúng (chỉ đối với báo cáo truyền file).  2. Thông tư 49/2014/TT-NHNN hướng dẫn về chế độ báo cáo, Thông tư 35 cụ thể hóa các yêu cầu tại 49/2014/TT-NHNN. Sau khi Thông tư 35 có hiệu lực thực hiện, NHNN sẽ nghiên cứu và chỉ yêu cầu các TCTD truyền file báo cáo tài chính theo một đường truyền duy nhất là Hệ thống báo cáo NHNN. |
| 65 | 160-TTGS | Bảng cân đối tài khoản kế toán: định kỳ báo cáo là tháng. Vậy không còn báo cáo mẫu này hàng ngày như quy định tại công văn 6798/NHNN-DBTKTT. | Công ty  tài chính Prudential | Thông tư 35 quy định các mẫu biểu báo cáo mang tính ổn định lâu dài. NHNN không bổ sung Báo cáo Bảng cân đối tài khoản hàng ngày vào Thông tư 35 vì theo yêu cầu chỉ đạo, điều hành hàng ngày trong từng thời kỳ, NHNN có thể yêu cầu các TCTD thuyết minh một số tài khoản và đòi hỏi tính kịp thời cao. Các TCTD chỉ báo cáo Biểu số 60-TTGS (Bảng cân đối tài khoản kế toán định kỳ tháng) theo quy định Thông tư 35. Vì vậy, các TCTD vẫn thực hiện gửi Bảng cân đối tài khoản kế toán hàng ngày theo quy định tại công văn 6798/NHNN-DBTKTT ngày 03/9/2009.  Dự kiến khi Hệ thống báo cáo NHNN đi vào được triển khai hoạt động đầu năm 2017, NHNN sẽ yêu cầu các TCTD gửi báo cáo Bảng cân đối tài khoản kế toán hàng ngày theo đường truyền mới này thay vì Chương trình báo cáo cân đối ngày như hiện nay. |
| 66 | 165-TTGS | Trong mẫu biểu báo cáo số 165-TTGS phần Chi Phí hoạt động yêu cầu báo cáo chi tiết, tuy nhiên tại mẫu biểu số 170-TTGS đã yêu cầu báo cáo giống như yêu cầu này. Đề nghị NHNN làm đơn giản hóa đối tượng báo cáo của báo cáo này vì nội dung đã được báo cáo tại tại mẫu biểu số 170-TTGS. | Ngân hàng BNP Paribas HCM | Biểu số 165-TTGS yêu cầu TCTD báo cáo số tổng chi phí hoạt động tại Mục VIII “Chi phí hoạt động”.  Biểu số 170-TTGS yêu cầu TCTD báo cáo chi tiết chi phí hoạt động tại Mục I “Chi phí hoạt động”. |
| 67 | 165, 168, 169, 170-TTGS | 1. Mục 5. Hướng dẫn lập báo cáo chỉ nêu “Theo chế độ tài chính, kế toán hiện hành.”  **Đề xuất:** Một số Thuyết minh chi tiết không yêu cầu trình bày đối với BCTC giữa niên độ/bán niên theo Thông tư 49 chứ không phải không phát sinh. Do đó đề nghị sửa đổi/bổ sung Mục 5. Hướng dẫn lập báo cáo thành:  “Đối với các khoản mục thuyết minh chi tiết theo Thuyết minh BCTC, trong trường hợp không phát sinh/không yêu cầu trình bày đối với kỳ báo cáo thì để trống”.  2. Thời hạn gửi báo cáo của các mẫu báo cáo đang quy định trong Thông tư 35:  **+** Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét: Chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.  **+** Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán: Chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.  Theo quy định tại Điều 7. Thời hạn nộp báo cáo tài chính theo Thông tư 49/2014/TT-NHNN và tại Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với tổ chức niêm yết, thời hạn công bố đối với báo cáo bán niên đã được soát xét cũng là 45 ngày và đối với báo cáo năm đã được kiểm toán cũng là 90 ngày.  Do đó, các TCTD cần có thời gian nhất định (khoảng 10 ngày) kể từ khi công bố BCTC để chuẩn bị lập và gửi báo cáo theo mẫu về NHNN.  Đề nghị NHNN xem xét và sửa đổi thời hạn:  **+** Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét: Chậm nhất là 55 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.  + Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán: Chậm nhất là 100 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | Ngân hàng Ngoại thương | 1. Việc báo cáo đối với nội dung chỉ tiêu không phải báo cáo là không phát sinh hay để trống sẽ được NHNN hướng dẫn cụ thể.  2. Về thời gian gửi báo cáo tài chính thực hiện theo quy định hiện hành, vì với trình độ công nghệ như hiện nay, thời gian để hoàn tất việc lập báo cáo tài chính là tương đối dài. |
| 68 | 168, 170-TTGS | 1. Chúng tôi có thể hiểu rằng các mẫu biểu này là tập hợp báo cáo tài chính theo mẫu biểu B02, B03, B04 và B05 theo Thông tư 49/2014/TT-NHNN, thay thế các báo cáo truyền file B02, B03, B04 và B05 hiện tại được không?  2. Chúng tôi có phải duy trì việc báo cáo bằng văn bản như hiện tại không hay chỉ cần lập báo cáo tài chính theo các mẫu biểu được hướng dẫn trên Thông tư 35 này?  3. Nếu phải thực hiện đồng thời việc báo cáo bằng văn bản như hiện tại và báo cáo theo các mẫu biểu của Thông tư 35 thì đề nghị NHNN nên duy trì cách báo cáo như hiện tại để tránh gây khó khăn và áp lực thêm cho các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi số lượng báo cáo ngày càng tăng.  4. Mục 5. Hướng dẫn lập báo cáo: Theo chế độ tài chính, kế toán hiện hành.  **Đề xuất:** Một số Thuyết minh chi tiết không yêu cầu trình bày đối với BCTC giữa niên độ/bán niên theo Thông tư 49 chứ không phải không phát sinh. Do đó đề nghị sửa đổi/bổ sung Mục 5. Hướng dẫn lập báo cáo: “Đối với các khoản mục thuyết minh chi tiết theo Thuyết minh BCTC, trong trường hợp không phát sinh/không yêu cầu trình bày đối với kỳ báo cáo thì để trống”. | Ngân hàng Bank of Tokyo Hồ Chí Minh | 1. Đúng (chỉ đối với báo cáo truyền file).  2. TCTD vẫn phải duy trì báo cáo văn bản.  3. Thông tư 49 hướng dẫn về chế độ báo cáo, Thông tư 35 cụ thể hóa các yêu cầu tại Thông tư 49/2014/TT-NHNN. Sau khi Thông tư 35 có hiệu lực thực hiện, NHNN sẽ nghiên cứu và chỉ yêu cầu các TCTD truyền file báo cáo tài chính theo một đường truyền duy nhất (đường truyền file báo cáo theo Thông tư 49/2014/TT-NHNN sẽ hủy, vẫn duy trì báo cáo bằng văn bản).  4. Đối với các phần không phát sinh/không yêu cầu trình bày đối với kỳ báo cáo sẽ có hướng dẫn cụ thể của NHNN (Cục Công nghệ tin học). |
| **III** | **Phụ lục 2** | | | |
| 69 | Điểm 2 Phần 1 | Tỷ giá giữa VND và các ngoại tệ khác, Tỷ giá giữa USD và các ngoại tệ khác: Quy định TCTD áp dụng tỷ giá do Tổng giám đốc (Giám đốc) TCTD quy định tại ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo. Đề nghị NHNN làm rõ là tỷ giá mua/bán? | Ngân hàng  Đầu tư | Tỷ giá áp dụng để lập báo cáo được hướng dẫn cụ thể tại điểm 2 Phần 1 Phụ lục 2 Thông tư 35. Việc áp dụng tỷ giá mua hay bán do TCTD quyết định. |
| 70 | Điểm 11 Phần 2 | Công ty TNHH mua bán nợ, Quỹ đầu tư phát triển Quỹ Đất, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Hồ Chí Minh, Sàn giao dịch OTC có thuộc tổ chức không phải tổ chức tín dụng không? | Ngân hàng  Bưu điện  Liên Việt | TCTD cần căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 11 Phần 2 Phụ lục 2 “Các tổ chức không phải là TCTD được hiểu là các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam không phải là tổ chức tín dụng thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây: Nhận tiền gửi; cho vay, chiết khấu, tái chiết khấu các công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng và các hình thức cấp tín dụng khác; đầu tư, kinh doanh ngoại hối; cung ứng các dịch vụ thanh toán; môi giới và cung cấp dịch vụ bảo hiểm; môi giới và kinh doanh chứng khoán”.  Nếu các tổ chức thực hiện các nghiệp vụ nêu trên thì được coi là tổ chức không phải tổ chức tín dụng. Theo đó, đối với Quỹ đầu tư phát triển tỉnh, thành phố là tổ chức không phải TCTD (theo quy định tại khoản 11 Phần 2 Phụ lục 2 Thông tư 35). |
| **IV** | **Phụ lục 3** | | | |
| 71 | Bảng 3 | 1. Theo Bảng 3 “Mã loại hình TCTD” Phụ lục 3, ngân hàng thương mại gồm 2 loại: ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước. Đề nghị NHNN giải thích rõ hơn về 2 trường hợp này.  2. Ngân hàng thương mại được NHNN mua với giá 0 đồng được tính vào nhóm nào? | Ngân hàng  Sài Gòn | 1. Ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước được hiểu như sau:  - Điều 6 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Ngân hàng thương mại nhà nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ”.  - Ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước: là ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.  2. Ngân hàng thương mại được NHNN mua với giá 0 đồng thuộc nhóm các ngân hàng thương mại nhà nước. |
| **V** | **Ý kiến khác** | | | |
| 72 |  | Thẻ tín dụng (dư nợ thẻ tín dụng) tính vào ngắn hạn hay trung hạn? | Ngân hàng  Kỹ thương | Dư nợ thẻ tín dụng được coi như là một khoản cấp tín dụng ngắn hạn. |
| 73 |  | Một số báo cáo Thông tư 35 yêu cầu phân loại theo mục đích khoản vay. Trong trường hợp các khoản cho vay khách hàng để bổ sung vốn lưu động thì có được báo cáo theo ngành nghề kinh doanh chính của khách hàng không? | Ngân hàng CitiBank | Việc phân loại dư nợ tín dụng theo ngành kinh tế căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay đã được các TCTD thực hiện tại Thông tư 21/2010/TT-NHNN và Thông tư 31/2013/TT-NHNN. Theo đó, phân ngành kinh tế căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay chính là căn cứ vào ngành nghề của đối tượng sử dụng vốn vay cuối cùng. Ngành kinh tế của đối tượng sử dụng vốn vay cuối cùng khác với ngành nghề kinh doanh của khách hàng vay vốn.  Khi khách hàng vay với mục đích bổ sung vốn lưu động: Thực chất nhu cầu vay vốn để bổ sung vốn lưu động là để duy trì, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, TCTD căn cứ vào ngành kinh doanh chính của doanh nghiệp đề nghị vay vốn để bổ sung vốn lưu động để thống kê vào ngành phù hợp. |
| 74 |  | Các mẫu biểu yêu cầu báo cáo dư nợ theo kỳ hạn (ngắn, trung, dài hạn): Vậy yêu cầu báo cáo là kỳ hạn còn lại của khoản vay tại thời điểm báo cáo hay kỳ hạn ban đầu (thời hạn vay theo hợp đồng) của khoản vay? | Công ty  tài chính Prudential | Tùy từng loại báo cáo, NHNN yêu cầu báo cáo theo kỳ hạn ban đầu hay kỳ hạn còn lại. Do đó, TCTD cần căn cứ vào yêu cầu báo cáo tại từng mẫu biểu báo cáo để thống kê cho phù hợp. |
| 75 |  | Các ngân hàng thương mại đã tập trung hóa báo cáo tại Hội sở (tại Hội sở có đơn vị thực hiện báo cáo cho Hội sở chính và toàn bộ chi nhánh các tỉnh, thành phố), hiện tại, các ngân hàng thương mại vẫn đang phải thực hiện báo cáo cho NHNN tỉnh, thành phố trong phạm vi tỉnh, thành phố. Như vậy, khi Thông tư 35 có hiệu lực, ngân hàng thương mại có phải làm các báo cáo cho các tỉnh về số liệu trên địa bàn nữa không? Đồng thời, NHNN có văn bản thông báo về việc này không? (thực chất mẫu biểu Thông tư 35 cũng không chia theo địa bàn tỉnh, thành phố). | Ngân hàng  Kỹ thương | Khoản 2 Điều 4 Thông tư 35 quy định “Trong trường hợp cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương yêu cầu các đơn vị báo cáo báo cáo theo các mẫu biểu báo cáo không được quy định tại Thông tư này; Các đơn vị báo cáo có trách nhiệm đáp ứng đầy đủ, kịp thời yêu cầu báo cáo tại các mẫu biểu báo cáo này”.  Do đó, trong trường hợp cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động các TCTD trên địa bàn, Giám đốc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể yêu cầu các TCTD có trụ sở chính đóng trên địa bàn báo cáo.  Tuy nhiên, NHNN sẽ quán triệt đến các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố cần nghiên cứu, xem xét, cân nhắc tính cần thiết nhu cầu thông tin trước khi yêu cầu trụ sở chính các TCTD trên địa bàn báo cáo các mẫu biểu ngoài Thông tư 35, tránh tình trạng gây gánh nặng báo cáo cho các TCTD. |
| 76 |  | Chi nhánh của TCTD ở nước ngoài có phải đối tượng báo cáo như chi nhánh trong nước không? Số liệu báo cáo của toàn hệ thống BIDV có bao gồm chi nhánh BIDV ở nước ngoài không? | Ngân hàng  Đầu tư | Tùy từng loại báo cáo, NHNN yêu cầu báo cáo số liệu chi nhánh của TCTD ở nước ngoài. Do đó, TCTD cần căn cứ vào yêu cầu báo cáo tại từng mẫu biểu báo cáo để thống kê cho phù hợp. |
| 77 |  | Một số mẫu biểu báo cáo yêu cầu báo cáo số liệu toàn hệ thống và số liệu từng chi nhánh TCTD trong hệ thống (nếu có). Đối với công ty tài chính Prudential Việt Nam có 2 chi nhánh là Hà Nội và Đà Nẵng nhưng hạch toán phụ thuộc, không có cân đối riêng. Vậy công ty có phải làm báo cáo số liệu từng chi nhánh không? | Công ty  tài chính Prudential | Nếu công ty tài chính Prudential Việt Nam có 2 chi nhánh là Hà Nội và Đà Nẵng nhưng hạch toán phụ thuộc, không có cân đối riêng thì công ty tài chính Prudential Việt Nam không phải báo cáo số liệu từng chi nhánh. |
| 78 |  | Ngân hàng có khai thác mẫu biểu G00205 & G00195 từ website NHNN thì thấy nội dung của 2 mẫu này giống nhau. Đây là mẫu báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp.  Theo thông tư 49/2014/TT-NHNN thì mẫu báo cáo lưu chuyển tiền tệ có 2 mẫu: 1 theo phương pháp trực tiếp & 1 theo phương pháp gián tiếp. Đon vị khi làm báo cáo thì chọn 1 trong 2 phương pháp.  Trong khi đó Thông tư 35 thì mẫu báo cáo lưu chuyển tiền tệ chỉ có 1 mẫu theo phương pháp trực tiếp. | Công ty Chailease | Khoản 3 Điều 29 Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-NHNN quy định “Từ quý I/2009, các TCTD thực hiện lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp".  Như vậy các các đơn vị báo cáo theo phương pháp trực tiếp Biểu số 168-TTGS “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất, riêng lẻ)” tại Thông tư 35. |
| 79 | Cách đặt tên file - Phụ lục 03 Công văn 1112/NHNN-CNTH | Trường hợp các mẫu báo cáo về công ty con, công ty liên kết thì mã đơn vị phát sinh dữ liệu là mã nào? Có dùng trùng với mã của ngân hàng báo cáo không?  Trường hợp báo cáo thông tin về nhiều công ty con, công ty liên kết thì cách thức đặt tên như thế nào (ví dụ: biểu 098-TTGS, 099-TTGS, 151 đến 154TTGS? | Ngân hàng Quân đội | Mã đơn vị phát sinh dữ liệu: là mã ngân hàng (8 ký tự) của đơn vị phát sinh dữ liệu (theo Thông tư số 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015). |
| 80 | Cách đặt tên file - Phụ lục 03 Công văn 1112/NHNN-CNTH | Loại dữ liệu: với các báo cáo về công ty con, công ty liên kết thì ký tự thứ hai điền là "T" hay "I" (Các Biểu số 098-TTGS, 099-TTGS, 151 đến 154-TTGS. | Ngân hàng Quân đội | Loại hình gửi báo cáo, bao gồm 2 ký tự "BB" trong đó: - Ký tự thứ nhất - thời gian gửi: + Gửi mới: S. + Quá hạn: B. - Ký tự thứ hai - loại dữ liệu: + Báo cáo toàn hàng: T. + Báo cáo chi nhánh: I. |
| 81 | Template file | Khi Ngân hàng Quân đội xây dựng hệ thống chạy tự động dữ liệu ra báo cáo theo template của NHNN thì gặp khó khăn về kỹ thuật: dữ liệu ô Help này bị tách thành nhiều dòng, không tồn tại được dạng ô Merge -> các thông tin tại mục Help xuất ra thành nhiều dòng có được không, có gây ảnh hưởng gì khi truyền tin, kết nối với hệ thống của NHNN không? Ngân hàng Quân đội có bắt buộc phải thiết kế để phần Help này giống hệt template của NHNN không? | Ngân hàng Quân đội | Phần Help trong Template của NHNN: Là ô Merge cell từ B đến O, dòng 26. |